

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

THÔNG TƯ
Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng
ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về đối tượng thi đua, khen thưởng; tổ chức thi đua, danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, trao tặng, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Sáng kiến và Quỹ Thi đua, Khen thưởng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi là Ngành).

2. Thông tư này áp dụng đối với cá nhân, tập thể liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng Ngành.

Điều 2. Đối tượng thi đua, khen thưởng

1. Đối tượng thi đua bao gồm:

a) Các Tổng cục và tương đương, Cục, Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ (sau đây gọi là cơ quan thuộc Bộ);

b) Các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc Bộ (sau đây gọi là đơn vị thuộc Bộ);

c) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Sở);

d) Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, Trung tâm Văn hóa và Thể thao cấp huyện;

đ) Các phòng, ban hoặc tương đương trực thuộc cơ quan, đơn vị quy định tại các điểm a và b khoản này;

e) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bao gồm cả công chức đang trong thời gian tập sự, nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn đang làm việc tại cơ quan, đơn vị quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này.

2. Đối tượng khen thưởng bao gồm:

a) Các đối tượng thi đua quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Các hiệp hội, hội, liên đoàn nghề nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

c) Các cá nhân, tập thể không thuộc Ngành có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Các cá nhân, tập thể Việt Nam ở nước ngoài và các cá nhân, tập thể nước ngoài có những đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển Ngành.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua bao gồm:

a) Các quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, tiêu chí thi đua; không đăng ký thi đua thì không được bình xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng bao gồm:

a) Các quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (Nghị định số 91/2017/NĐ-CP);

b) Cá nhân làm công tác lãnh đạo, quản lý, ngoài hình thức khen thưởng thành tích cống hiến lâu dài, trong quá trình công tác vẫn được xem xét, đề nghị khen thưởng thường xuyên và các hình thức khen thưởng khác nếu có đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định và phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó phụ trách.

Điều 4. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi là Bộ trưởng) tổ chức phát động, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua của toàn Ngành, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng trong Ngành.

2. Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng tham mưu, phối hợp với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề xuất với Bộ trưởng về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua; hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong Ngành; thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi là Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ) xem xét, trình Bộ trưởng xét tặng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Sở có trách nhiệm chủ trì phối hợp với cấp ủy Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ cùng cấp cụ thể hóa nội dung, chỉ tiêu, các biện pháp tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; cho ý kiến đối với các trường hợp khen thưởng khi được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ yêu cầu.

4. Cơ quan báo chí thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện gương người tốt, việc tốt, cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua để nêu gương, nhân rộng, phổ biến các điển hình tiên tiến; phê phán các hiện tượng tiêu cực và hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Cá nhân, tập thể được đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về trình tự, thủ tục và thời hạn gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Cá nhân được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được nhận Bằng khen, Giấy chứng nhận và tiền thưởng hoặc hiện vật theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; được ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước; được ưu tiên, xem xét, đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và được xem xét nâng lương trước thời hạn theo quy định.

2. Tập thể được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được cấp Bằng khen, Giấy chứng nhận và tiền thưởng hoặc hiện vật theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng Bằng khen, Giấy khen, Giấy chứng nhận hoặc hiện vật khen thưởng trên các văn bản, tài liệu chính thức của cơ quan, đơn vị.

3. Cá nhân, tập thể được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có trách nhiệm phát huy thành tích đã đạt được, tiếp tục phấn đấu để đạt danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cao hơn; bảo quản các hiện vật được tặng thưởng.

Điều 6. Khôi thi đua, Cụm thi đua

1. Căn cứ đặc điểm về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, phạm vi hoạt động của tổ chức, Vụ Thi đua, Khen thưởng trình Bộ trưởng quyết định thành lập các Khối thi đua gồm các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Cụm thi đua gồm các Sở.

2. Trên cơ sở bình chọn, đề nghị của các Khối thi đua, Cụm thi đua (sau đây gọi là Khối, Cụm thi đua), Vụ Thi đua, Khen thưởng trình Bộ trưởng quyết định công nhận Khối trưởng, Cụm trưởng, Phó Khối trưởng, Phó Cụm trưởng. Khối trưởng, Cụm trưởng lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Khối, Cụm thi đua; chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Khối, Cụm thi đua; chủ trì và kết luận các Hội nghị của Khối, Cụm thi đua, đề xuất khen thưởng theo quy định.

Phó Khối trưởng, Phó Cụm trưởng giúp Khối trưởng, Cụm trưởng triển khai các hoạt động của Khối, Cụm thi đua khi cấp trưởng vắng mặt hoặc trong những trường hợp cần thiết. Phó Khối trưởng, Phó Cụm trưởng chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước Khối trưởng, Cụm trưởng và trước pháp luật.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Khối, Cụm thi đua:

a) Tổ chức phát động, ký kết giao ước thi đua thực hiện phong trào thi đua do Bộ phát động, cụ thể các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp xây dựng phong trào thi đua trong Khối, Cụm thi đua nhằm phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, đúng hướng và có hiệu quả;

b) Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, đề ra phương hướng, nhiệm vụ tổ chức phong trào thi đua, trao đổi học tập, chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng các mô hình mới, điển hình tiên tiến trong Khối, Cụm thi đua;

c) Đánh giá, bình xét, suy tôn các tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc, xuất sắc trong Khối, Cụm thi đua theo thứ tự từ cao xuống thấp và báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ để đề nghị Bộ trưởng xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc, xuất sắc trong các Khối, Cụm thi đua hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xét tặng;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

Điều 7. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

1. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học có phạm vi ảnh hưởng để làm căn cứ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng bao gồm:

a) Các nội dung quy định tại Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (Thông tư số 08/2017/TT-BNV);

b) Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành;

c) Đề án trong Chương trình công tác của Chính phủ được ban hành;

d) Các giải thưởng Vàng, Bạc, Đồng (Nhất, Nhì, Ba hoặc A, B, C) tại các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp và triển lãm về văn học - nghệ thuật cấp quốc gia do bộ, ngành tổ chức hoặc giải thưởng của các hội văn học

nghệ thuật chuyên ngành trung ương tổ chức hoặc các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật quốc tế có uy tín.

2. Phân loại sáng kiến:

a) Sáng kiến cấp toàn quốc là các giải pháp mới được tạo ra hoặc cải tiến các giải pháp trước đó, được áp dụng trong hoạt động về văn hoá, thể thao và du lịch mang lại lợi ích và hiệu quả thiết thực đối với toàn quốc;

b) Sáng kiến cấp bộ là các giải pháp mới được tạo ra hoặc cải tiến các giải pháp trước đó, được áp dụng trong hoạt động về văn hoá, thể thao và du lịch mang lại lợi ích và hiệu quả thiết thực đối với Ngành;

c) Sáng kiến cấp cơ sở là các giải pháp mới được tạo ra hoặc cải tiến các giải pháp trước đó được áp dụng trong hoạt động về văn hoá, thể thao và du lịch, mang lại lợi ích và hiệu quả thiết thực đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị.

3. Các tài liệu để làm căn cứ chứng minh sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, văn bản quy phạm pháp luật được đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng bao gồm:

a) Giấy chứng nhận sáng kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Biên bản nghiệm thu của Hội đồng khoa học - công nghệ cấp có thẩm quyền. Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài;

b) Đối với văn bản quy phạm pháp luật, Đề án trình Chính phủ: Người được đề nghị xét khen thưởng là người có tên trong Quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập;

c) Đối với các giải thưởng tại các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật cấp quốc gia do bộ, ngành tổ chức hoặc giải thưởng của các hội văn học - nghệ thuật chuyên ngành Trung ương tổ chức hoặc các cuộc thi, liên hoan chuyên nghiệp và triển lãm về văn học, nghệ thuật quốc tế có uy tín: Giải thưởng được tính là giải thưởng dành cho cá nhân. Đối với các chương trình, vở diễn được giải, giải thưởng được tính là giải thưởng dành cho cá nhân là đạo diễn của chương trình, vở diễn.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA; DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Hình thức và nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức và nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Bộ trưởng phát động thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề nhằm phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm của Nhà nước hoặc phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm công tác của Ngành. Khi tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi Ngành có thời gian 03 năm trở lên, Bộ gửi kế hoạch tổ chức phát

động phong trào thi đua về Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương để tổng hợp và hướng dẫn xét khen thưởng.

3. Các cơ quan, đơn vị trong Ngành tổ chức phát động thi đua lập thành tích chào mừng ngày truyền thống của Ngành, kỷ niệm ngày thành lập Ngành, ngày thành lập cơ quan, đơn vị vào các năm tròn và năm lẻ 5 hoặc có nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất cần tập trung thi đua trong toàn cơ quan, đơn vị.

4. Kết thúc thời hạn tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi Ngành, các cơ quan, đơn vị, Khối, Cụm thi đua tiến hành tổng kết, bình xét đề nghị các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi toàn quốc, khi sơ kết, tổng kết phong trào có thời gian từ 03 năm trở lên, Bộ lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trình Thủ tướng Chính phủ xét, tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; từ 05 năm trở lên, Bộ lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trình Thủ tướng Chính phủ xét trình Chủ tịch nước xét tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Điều 9. Đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua

1. Các cơ quan, đơn vị tổ chức cho tập thể, cá nhân đăng ký thi đua của năm, gửi bản đăng ký thi đua về Vụ Thi đua, Khen thưởng trước ngày 25 tháng 3 hàng năm.

2. Các Khối, Cụm thi đua tổ chức ký kết giao ước thi đua, thống nhất bảng chấm điểm của Khối, Cụm thi đua gửi về Vụ Thi đua, Khen thưởng trước ngày 30 tháng 3 hàng năm.

Điều 10. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- a) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;
- b) “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”;
- c) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- d) “Lao động tiên tiến”.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;
- b) “Cờ thi đua của Bộ”;
- c) “Tập thể Lao động xuất sắc”;
- d) “Tập thể Lao động tiên tiến”.

Điều 11. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua đối với cá nhân, cách thức xét tặng

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”:

a) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Cách thức xét tặng:

Tổ chức xét tặng mỗi năm 01 lần tại phiên họp lần thứ nhất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ đối với cá nhân công tác tại cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”:

a) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Cách thức xét tặng:

Tổ chức xét tặng mỗi năm 01 lần đối với cá nhân công tác tại cơ quan, đơn vị thuộc Bộ vào thời điểm kết thúc năm công tác.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:

a) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Cách thức xét tặng:

Tổ chức xét tặng mỗi năm 01 lần đối với cá nhân công tác tại cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; tỷ lệ bình bầu không quá 15% trong số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

a) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định sau:

- Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

- Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

- Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

- Đối với cá nhân chuyên công tác, cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị cũ);

- Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận;

- Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

b) Cách thức xét tặng:

Tổ chức xét tặng hàng năm vào dịp kết thúc năm công tác đối với cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị quy định tại các điểm a, b và đ khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

Điều 12. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua đối với tập thể, cách thức xét tặng

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”:

a) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng, khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Cách thức xét tặng:

- Tổ chức xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết công tác năm của Bộ;
- Số lượng tập thể được đề nghị xét tặng không quá 20% tổng số những tập thể đã được xét tặng “Cờ thi đua của Bộ”.

Trên cơ sở đăng ký thi đua hàng năm với Chính phủ (qua Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương), Bộ lựa chọn, trình Chính phủ xét tặng cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và xem xét hiệp y trình xét tặng danh hiệu cho các Sở.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ”:

a) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ” thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Cách thức xét tặng:

- Tổ chức xét tặng vào dịp tổng kết công tác năm của Bộ;
- Số lượng tập thể được đề nghị xét tặng thực hiện theo hướng dẫn hàng năm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”:

a) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Cách thức xét tặng:

Tổ chức xét tặng hàng năm đối với tập thể quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

4. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”:

a) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Cách thức xét tặng:

Tổ chức xét tặng hàng năm đối với tập thể quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

Chương III

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 13. Các loại hình khen thưởng

1. Các loại hình khen thưởng thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.
2. Khen thưởng quá trình cống hiến thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và khoản 1 Điều 10 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

Điều 14. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

1. Huân chương:
 - a) “Huân chương Sao vàng”;
 - b) “Huân chương Hồ Chí Minh”;
 - c) “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
 - d) “Huân chương Lao động” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba;
 - đ) “Huân chương Dũng cảm”;
 - e) “Huân chương Hữu nghị”.
2. Huy chương Hữu nghị.
3. Danh hiệu vinh dự nhà nước:
 - a) Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”
 - b) Danh hiệu “Anh hùng Lao động”;
 - c) Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”;
 - d) Danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”;
 - đ) Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;
 - e) Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.
4. Giải thưởng vinh dự nhà nước:
 - a) “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật;
 - b) “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về khoa học và công nghệ.
5. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

Điều 15. Các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

1. Các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng: Bằng khen; Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.
2. Hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có tài khoản, con dấu riêng: Giấy khen.

Điều 16. Tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

1. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Sao vàng”:
 - a) Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng “Huân chương Sao vàng” đối với cá nhân thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Sao vàng” đối với tập thể thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Hồ Chí Minh”:

a) Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” đối với cá nhân thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” đối với tập thể thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba đối với cá nhân, tập thể thực hiện theo quy định tại các Điều 16, 17 và 18 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba đối với cá nhân, tập thể thực hiện theo quy định tại các Điều 22, 23 và 24 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

5. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Dũng cảm” đối với cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

6. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Hữu nghị” đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

7. Tiêu chuẩn xét tặng “Huy chương Hữu nghị” đối với cá nhân người nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

8. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Thi đua, khen thưởng.

9. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Thi đua, khen thưởng.

10. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” đối với cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”.

11. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” đối với cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 41/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

12. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” đối với cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

13. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đối với cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể.

14. Tiêu chuẩn xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 133/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2014 về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

15. Tiêu chuẩn xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại các Điều 9, 10, 13 và 14 Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ.

16. Tiêu chuẩn xét tặng “Huân chương Lao động”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích xuất sắc tại các giải thể thao quốc tế và nghệ sỹ đạt giải thưởng cao tại hội thi, liên hoan, triển lãm quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Bộ.

17. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với cá nhân, tập thể và gia đình thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 17. Tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

1. Bằng khen của Bộ trưởng được xét tặng đối với cá nhân theo các quy định sau:

a) Cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết công tác năm của Bộ đối với cá nhân thuộc Sở và cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

c) Xét tặng đột xuất đối với cá nhân lập thành tích đặc biệt xuất sắc tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm cấp quốc gia, quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch do Bộ tổ chức, hoặc lập thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong các đợt thi đua theo đợt, theo chuyên đề do Bộ phát động;

d) Xét tặng đột xuất đối với cá nhân ngoài Ngành trong và ngoài nước có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển Ngành.

2. Bằng khen của Bộ trưởng được xét tặng đối với tập thể theo các quy định sau:

a) Tập thể thuộc các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết công tác năm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với các Sở thuộc Cụm thi đua; các phòng, ban (hoặc tương đương) thuộc Sở và cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

c) Xét tặng đột xuất đối với các tập thể lập thành tích xuất sắc đạt giải thưởng cao tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm cấp quốc gia, quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch hoặc thành tích có tác dụng nêu gương trong Bộ, trong Ngành, không nằm trong chỉ tiêu thi đua hoặc không tham gia ký kết giao ước thi đua hoặc lập thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong các đợt thi đua theo đợt, theo chuyên đề do Bộ phát động;

d) Xét tặng đột xuất đối với các cơ quan, đơn vị ngoài Ngành, trong và ngoài nước có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển Ngành.

3. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”:

Việc xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

4. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có tài khoản, con dấu riêng:

Việc xét tặng “Giấy khen” của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện theo quy định tại khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013.

Chương IV

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG

Điều 18. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng Huân chương, Huy chương Hữu nghị, Danh hiệu vinh dự nhà nước, Giải thưởng vinh dự nhà nước, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” và “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” thực hiện theo quy định tại các Điều 77 và 78 Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Bộ trưởng quyết định tặng:

a) Các danh hiệu thi đua “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ”, “Cờ thi đua của Bộ”, “Tập thể Lao động xuất sắc”;

b) Các danh hiệu thi đua “Lao động tiên tiến” và “Chiến sỹ thi đua cơ sở” cho cá nhân và danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” cho tập thể đối với các Vụ, Văn phòng Bộ và Thanh tra Bộ;

c) Bằng khen, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có tài khoản, con dấu riêng quyết định tặng:

a) Các danh hiệu thi đua “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và “Tập thể Lao động tiên tiến” đối với cá nhân, tập thể thuộc quyền quản lý;

b) Giấy khen.

Điều 19. Thẩm quyền đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Cơ quan, đơn vị chủ trì phát động các đợt thi đua thực hiện lựa chọn cá nhân, tập thể xuất sắc để xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền đối với cá nhân, tập thể thuộc cơ quan, đơn vị quản lý.

3. Sở đề nghị:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xét trình Nhà nước khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

b) Bộ trưởng xét khen thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư này.

4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ngoài Ngành quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư này đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, đề nghị Bộ xét khen thưởng.

5. Cá nhân, tập thể quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Thông tư này được đề nghị các cấp có thẩm quyền của Nhà nước xem xét, khen thưởng hoặc đề nghị Bộ xem xét khen thưởng.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Bộ (qua Vụ Thi đua, Khen thưởng).

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ” và các hình thức khen thưởng Huân chương, Huy chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng (có danh sách kèm theo) thực hiện theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thực hiện theo mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng thực hiện theo các mẫu số 05, 06, 07, 08 và 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao Quyết định hoặc Bằng chứng nhận đã được tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng của cấp có thẩm quyền cho tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (01 bộ);

- Ý kiến của chính quyền địa phương nơi cư trú về việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (đối với cá nhân là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và đối với cơ quan, đơn vị);

- Ý kiến của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền xác nhận về việc cơ quan, đơn vị hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đã nộp đủ, đúng các loại thuế theo thời

hạn quy định (đối với các cơ quan, đơn vị và Thủ trưởng đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước);

- Bản sao xác nhận sáng kiến, cải tiến, áp dụng công nghệ mới, đề tài khoa học của Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng sáng kiến; bản sao chứng nhận giải thưởng quốc gia và quốc tế (nếu có).

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng “Bằng khen của Bộ trưởng”, “Cờ thi đua của Bộ”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” (01 bộ) gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của Sở đối với cá nhân, tập thể thuộc Sở hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ (có danh sách kèm theo) thực hiện theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Sở hoặc của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện theo mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo thành tích của cá nhân và tập thể được đề nghị khen thưởng thực hiện theo mẫu số 07 và 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao Quyết định hoặc Giấy chứng nhận đã được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể Lao động xuất sắc” của cấp có thẩm quyền;

- Bản sao xác nhận sáng kiến, cải tiến, áp dụng công nghệ mới, đề tài khoa học của Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng sáng kiến; bản sao chứng nhận giải thưởng quốc gia và quốc tế (nếu có).

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị (có danh sách kèm theo) thực hiện theo các mẫu số 01 và 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thực hiện theo các mẫu số 03 và 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo thành tích của cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc thực hiện theo mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị (có danh sách kèm theo) thực hiện theo các mẫu số 01 và 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thực hiện theo các mẫu số 03 và 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo thành tích khen thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề của cá nhân và tập thể thực hiện theo mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

đ) Hồ sơ đề nghị khen thưởng quá trình công hiến:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng thực hiện theo mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thực hiện theo mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo thành tích thực hiện theo mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

e) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản quy định tại Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị (có danh sách kèm theo) thực hiện theo các mẫu số 01 và 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

2. Số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng:

a) Đối với danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”: 05 bộ bản chính và 20 bộ bản photocopy;

b) Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”: 03 bộ bản chính và 03 bộ bản photocopy;

c) Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”: 03 bộ bản chính;

d) Đối với hình thức khen thưởng Huân chương: 04 bộ bản chính.

Riêng đối với tập thể được xét tặng; cá nhân thuộc Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý được xét tặng hoặc truy tặng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”: 06 bộ bản chính.

đ) Đối với hình thức khen thưởng Huy chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”: 03 bộ bản chính;

e) Đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng: 01 bộ bản chính.

3. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

a) Đối với danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Bộ”, “Bằng khen của Bộ” cho các đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 2 Thông tư này: Tiếp nhận hồ sơ trước ngày 05 tháng 12 hàng năm (tính theo dấu bưu điện).

Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ”, “Bằng khen của Bộ” cho đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư này: Tiếp nhận hồ sơ trước ngày 05 tháng 12 hàng năm (tính theo dấu bưu điện);

Đối với danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” cho đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Thông tư này; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” cho cá nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và “Bằng khen của Bộ” cho đối tượng quy định tại các điểm đ và e khoản 1 Điều 2 Thông tư này: Tiếp nhận hồ sơ trước ngày 25 tháng 02 của năm sau liền kề (tính theo dấu bưu điện);

b) Đối với Huân chương, Huy chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao

động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, thời hạn tiếp nhận hồ sơ và trình Nhà nước khen thưởng thực hiện như sau:

- Đợt 1: Tiếp nhận hồ sơ đến trước ngày 05 tháng 3 hàng năm (tính theo dấu bưu điện) đối với Huân chương, Huy chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ từ ngày 05 tháng 4 đến 15 tháng 4 hàng năm. Hoàn chỉnh hồ sơ trình Hội đồng thi đua cấp Nhà nước trước ngày 25 tháng 4 hàng năm. Riêng đối với danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” tổ chức xét tặng tại Đại hội thi đua toàn quốc 05 năm một lần vào dịp Đại hội thi đua yêu nước các cấp (vào các năm tròn và năm lẻ 5) và nhận hồ sơ vào thời gian của đợt này.

- Đợt 2: Tiếp nhận hồ sơ đến trước ngày 20 tháng 8 hàng năm (tính theo dấu bưu điện) đối với Huân chương, Huy chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ từ ngày 15 tháng 9 đến ngày 25 tháng 9 hàng năm. Hoàn chỉnh hồ sơ trình Hội đồng thi đua cấp Nhà nước trước ngày 05 tháng 10 hàng năm (kết hợp hình thức khen thưởng đặc thù đối với các cơ sở đào tạo thuộc Bộ);

c) Đối với khen thưởng đột xuất: Ngay sau khi lập được thành tích, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập hồ sơ gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét, trình khen thưởng;

d) Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tài khoản, con dấu riêng, thời hạn tiếp nhận hồ sơ do cơ quan, đơn vị quyết định.

Điều 21. Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Vụ Thi đua, Khen thưởng có trách nhiệm tiếp nhận và tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Đối với các hình thức khen thưởng: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” (các hạng), danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, trước khi trình hồ sơ lên Thủ tướng Chính phủ xét trình Chủ tịch nước (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương), Vụ Thi đua, Khen thưởng hoàn thiện hồ sơ và báo cáo xin ý kiến Ban cán sự Đảng.

2. Đối với trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Vụ Thi đua, Khen thưởng thông báo tới cơ quan, đơn vị trình hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm hoàn thiện, gửi lại hồ sơ tới Vụ Thi đua, Khen thưởng.

3. Sau khi có kết quả thẩm định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Vụ Thi đua, Khen thưởng tổng hợp kết quả trình Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

Điều 22. Thủ tục xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng

1. Đối với hình thức khen thưởng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”; danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng

Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, sau khi nhận hồ sơ đề nghị, Vụ Thi đua, Khen thưởng có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ trước khi đưa ra họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xét, bỏ phiếu. Kết quả họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ phải đạt từ 90% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

2. Đối với việc xét tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Vụ Thi đua, Khen thưởng hoàn thiện hồ sơ, biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ trình Bộ trưởng quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xét khen thưởng (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương).

3. Đối với việc xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ” và “Bằng khen của Bộ” cho các cá nhân, tập thể thuộc Sở, Vụ Thi đua, Khen thưởng trình kết quả thẩm định hồ sơ đề Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ họp xem xét, bỏ phiếu, hoàn tất hồ sơ, biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ và trình Bộ trưởng quyết định.

4. Đối với việc xét, đề nghị khen thưởng các cá nhân, tập thể ngoài Ngành: Vụ Thi đua, Khen thưởng trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét và trình Bộ trưởng quyết định.

5. Đối với việc xét, đề nghị khen thưởng Lãnh đạo Bộ, Vụ Thi đua, Khen thưởng có trách nhiệm đề xuất với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ đề đề xuất Ban cán sự Đảng xem xét, đề nghị Bộ trưởng quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

6. Sau khi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ họp xét thống nhất hoặc lấy ý kiến các thành viên, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Vụ Thi đua, Khen thưởng hoàn tất các thủ tục theo quy định để trình Bộ trưởng quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

7. Trường hợp khen thưởng đột xuất, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị, Vụ Thi đua, Khen thưởng báo cáo xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ trước khi tổ chức lấy phiếu xin ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ. Sau khi lấy ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, Vụ Thi đua, Khen thưởng hoàn tất thủ tục trình Bộ trưởng quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 23. Tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Nghi lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự nhà nước, Giải thưởng nhà nước, Huân chương, Huy chương, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

2. Bộ trưởng thừa ủy quyền của Nhà nước tổ chức trao tặng các hình thức khen thưởng của Nhà nước; tổ chức trao tặng các hình thức khen thưởng của Bộ và ủy quyền cho thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức trao tặng.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức lễ trao tặng trình Bộ trưởng phê duyệt.

Điều 24. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Việc quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng tại Bộ và tại các cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu thi đua, khen thưởng.

Điều 25. Báo cáo công tác thi đua, khen thưởng

1. Định kỳ hàng năm, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các Sở; các Khối, Cụm thi đua tiến hành tổng kết, đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và gửi báo cáo tổng kết công tác năm về Bộ (qua Vụ Thi đua, Khen thưởng) trước ngày 05 tháng 12 hàng năm.

2. Khi phát động thi đua và sau mỗi đợt thi đua, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức sơ kết, tổng kết và gửi báo cáo về Bộ (qua Vụ Thi đua, Khen thưởng) theo mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 26. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ

1. Bộ trưởng quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng;

c) Các Phó Chủ tịch Hội đồng bao gồm Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ;

d) Các Ủy viên Hội đồng bao gồm: Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao; Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch; Cục trưởng Cục Bản quyền tác giả; Cục trưởng Cục Di sản văn hóa; Cục trưởng Cục Điện ảnh; Cục trưởng Cục Hợp tác quốc tế; Cục trưởng Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm; Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn; Cục trưởng Cục Văn hóa cơ sở; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính; Vụ trưởng Vụ Pháp chế; Vụ trưởng Vụ Đào tạo; Vụ trưởng Vụ Thư viện; Vụ trưởng Vụ Văn hóa dân tộc; Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Vụ trưởng Vụ Gia đình; Chánh Thanh tra Bộ; Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Bộ; Chủ tịch Công đoàn Bộ; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Bộ;

đ) Tổ thư ký Hội đồng gồm 01 Lãnh đạo và một số chuyên viên Vụ Thi đua, Khen thưởng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và biểu quyết theo đa số. Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là quyết định.

Điều 27. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

2. Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

3. Phó Chủ tịch bao gồm Chủ tịch Công đoàn và Phó Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

4. Ủy viên Thường trực là Trưởng Phòng, Ban phụ trách thi đua, khen thưởng.

5. Các Ủy viên Hội đồng bao gồm đại diện cấp ủy Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trưởng các bộ phận chuyên môn do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

6. Thư ký Hội đồng là chuyên viên được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

Điều 28. Hội đồng Sáng kiến cấp Bộ

1. Bộ trưởng quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến cấp Bộ.

2. Thành phần, nguyên tắc làm việc của Hội đồng Sáng kiến cấp Bộ do Bộ trưởng quy định và thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, đánh giá, công nhận sáng kiến, giải pháp công tác của cá nhân có mức độ ảnh hưởng đối với Bộ, Ngành và toàn quốc.

3. Việc xét công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 29. Hội đồng Sáng kiến tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến của cơ quan, đơn vị.

2. Thành phần, nguyên tắc làm việc của Hội đồng Sáng kiến tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định và thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, đánh giá, công nhận sáng kiến, giải pháp công tác của cá nhân có tác dụng ảnh hưởng đối với cơ quan, đơn vị; xem xét, đề xuất sáng kiến cấp Bộ và cấp toàn quốc của cá nhân thuộc thẩm quyền.

3. Việc xét công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 30. Nguồn và mức trích Quỹ Thi đua, Khen thưởng

1. Quỹ Thi đua, Khen thưởng của Bộ do Bộ trưởng quyết định thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ Thi đua, Khen thưởng của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có con dấu, tài khoản riêng do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định thành lập theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn và mức trích Quỹ Thi đua, Khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài Ngành hỗ trợ, đóng góp để bổ sung Quỹ Thi đua, Khen thưởng của Bộ và Quỹ Thi đua, Khen thưởng của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

Điều 31. Quản lý và sử dụng Quỹ Thi đua, Khen thưởng

1. Việc quản lý và sử dụng Quỹ Thi đua, Khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Vụ Thi đua, Khen thưởng phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Bộ trưởng quản lý, sử dụng Quỹ Thi đua, Khen thưởng của Bộ theo quy định của pháp luật về tài chính.

Điều 32. Trách nhiệm, mức thưởng và nguyên tắc tính tiền thưởng

1. Trách nhiệm chi thưởng:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm chi tiền thưởng đối với:

- Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Nhà nước do Bộ trình;

- Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với cá nhân và tập thể hưởng quỹ lương tại Văn phòng Bộ;

- Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với cá nhân và tập thể trong dịp tổng kết công tác năm của Bộ (có văn bản hướng dẫn hàng năm);

- Trường hợp khác do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

b) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có con dấu, tài khoản riêng chịu trách nhiệm chi tiền thưởng đối với:

- Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng cho các cá nhân và tập thể của cơ quan, đơn vị không thuộc đối tượng được chi thưởng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cho các cá nhân và tập thể do mình phụ trách;

- Trường hợp khác do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Nguyên tắc tính tiền thưởng:

- a) Thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;
- b) Đối với khen thưởng theo chuyên đề hoặc lĩnh vực thực hiện theo quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Sở, Trưởng Khối, Cụm thi đua và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Vụ Thi đua, Khen thưởng - Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong toàn Ngành.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Thông tư số 21/2014/TT-BVHTTDL ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ban Thi đua khen thưởng Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ VHTTDL: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Sở VHTTDL, Sở VH TT, Sở DL các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Hội Văn học, Nghệ thuật, Kiến trúc;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ;
- Lưu: VT, TĐKT(2), TKV 220.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện

